

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LỘC  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST  
Ngày: 16-9-2020  
V/v tranh chấp đòi nợ tài sản (tiền)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Văn Nghiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Tô Thị Lợi

Bà Hoàng Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Đức Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi nợ tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị Kim D. Nơi thường trú: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi tạm trú: Thôn P, xã H, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Lương Văn T; cư trú tại: Đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 12 tháng 8 năm 2020); có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Lê Minh T; cư trú tại: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Trung V - Luật sư Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Đường N, phường C, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Chị Hoàng Thị L; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Hà Văn S; cư trú tại: Thôn T, xã P, thị xã Y, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

3. Anh Trần Hồng P; cư trú tại: Đường P, phường H, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Trần Thị N; cư trú tại: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Chạc Linh C; cư trú tại: Khu R, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết là hàng xóm, giữa bà với bà Lê Minh T có làm ăn kinh doanh, buôn bán mặt hàng hoa quả tươi. Từ ngày 27-02-2014 đến ngày 29-3-2014, bà có bán cho bà Lê Minh T tổng số 09 (chín) xe công ten nơ quả Thanh Long với số lượng là 8.122 (tám nghìn một trăm hai mươi hai) thùng với tổng số tiền 1691857 NDT (Một trăm sáu mươi chín vạn một nghìn tám trăm năm mươi bảy Nhân dân tệ). Bà Lê Minh T đã thanh toán cho bà số tiền 780000 NDT (Bảy mươi tám vạn nhân dân tệ). Bà Lê Minh T còn nợ bà số tiền 911857 NDT (Chín mươi một vạn một nghìn tám trăm năm mươi bảy Nhân dân tệ), tương đương 2.973.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu đồng). Bà đã nhiều lần lên nhà bà Lê Minh T ở số 225, khu Dây Thép, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để đòi tiền bà T còn nợ. Do đó, ngày 10-6-2014, tại nhà bà Lê Minh T, bà T đã viết Giấy vay tiền có nội dung "bà Lê Minh T vay bà Vũ Thị Kim D số tiền 1.500.000.000 đồng", còn số tiền 1.473.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng) bà T nói với bà D "sang tuần sẽ ra ngân hàng rút tiền về trả cho bà D". Nhưng từ đó cho đến nay, bà Lê Minh T vẫn chưa trả tiền cho bà như đã thỏa thuận. Vì vậy, bà Vũ Thị Kim D yêu cầu bà Lê Minh T trả số tiền 2.973.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Bị đơn bà Lê Minh T trình bày:

Năm 2013, 2014, bà có mua quả Thanh Long với bà Vũ Thị Kim D và bà bán quả nhãn Thái Lan cho bà D. Bà thừa nhận "Giấy vay tiền lập ngày ngày 10-6-2014, có nội dung bà Lê Minh T vay bà Vũ Thị Kim D số tiền 1.500.000.000 đồng" là do bà viết. Tuy nhiên, sau đó đến tháng 11-2014, bà có bán cho bà Vũ Thị Kim D 08 (tám) xe công ten nơ quả nhãn Thái Lan. Bà đã đối trừ tiền bán 08 (tám) xe công ten nơ quả nhãn Thái Lan với tiền nợ mua quả Thanh Long với bà D. Bà không còn nợ tiền bà Vũ Thị Kim D. Vì vậy, bà không đồng ý trả số tiền 2.973.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu đồng) cho bà Vũ Thị Kim D.

Người làm chứng chị Hoàng Thị L trình bày: Từ năm 2009 đến tháng 01-2020, chị làm nhân viên kế toán cho bà Vũ Thị Kim D. Trong thời gian chị làm kế toán cho bà Vũ Thị Kim D, chị không được vào sổ sách việc bà Vũ Thị Kim D mua quả nhãn Thái Lan với bà Lê Minh T. Chị có được nhập vào phần mềm Excel việc mua bán từ ngày 27-02-2014 đến ngày 29-3-2014, bà Lê Minh T có mua với bà Vũ Thị Kim D tổng số 09 (chín) công ten nơ xe quả Thanh Long. Số lượng là 8.122 thùng, với tổng số tiền 1691857 NDT (Một trăm sáu mươi chín vạn một nghìn tám trăm năm mươi bảy Nhân dân tệ). Bà Lê Minh T đã thanh

toán cho bà Vũ Thị Kim D 780000 NDT (Bảy mươi tám vạn nhân dân tệ), bà T còn nợ bà D số tiền 911857 NDT (Chín mươi một vạn một nghìn tám trăm năm mươi bảy Nhân dân tệ).

Người làm chứng ông Hà Văn S trình bày: Trong khoảng tháng 3 năm 2014, ông có giao 09 (chín) xe công ten nơ quả Thanh Long cho bà Lê Minh T. Khi ông giao quả Thanh Long, thì bà Trần Thị N; trú tại khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là người nhận quả Thanh Long cho bà Lê Minh T. Ông không biết việc thanh toán tiền giữa bà Lê Minh T với bà Vũ Thị Kim D và không biết bà Lê Minh T nợ tiền bà Vũ Thị Kim D.

Người làm chứng anh Trần Hồng P trình bày: Ngày 10-6-2014, tại phòng khách của nhà bà Lê Minh T, anh được trực tiếp chứng kiến việc bà Vũ Thị Kim D nói với bà Lê Minh T là "bà T đã nợ tiền bà D gần 3.000.000.000 đồng rồi, thanh toán đi", sau một hồi nói chuyện, bà T nói "sang tuần khách bên Trung Quốc trả tiền hàng bà T, bà T sẽ rút tiền về trả cho bà D hơn 01 (một) tỷ, bây giờ bà T sẽ viết giấy vay nợ bà D số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) để bà D yên tâm".

Những người làm chứng bà Trần Thị N, bà Chạc Linh C đều trình bày: Các bà có được giao 08 (tám) xe công ten nơ quả nhãn Thái Lan cho bà Vũ Thị Kim D. Nhưng các bà không nhớ thời gian giao cụ thể, không được thanh toán tiền hàng, tiền công và không nhớ số lượng quả Nhãn Thái Lan là bao nhiêu kilôgam. Việc giao nhận chỉ bằng miệng, không lập thành văn bản nên không có tài liệu, chứng cứ để giao nộp cho Tòa án.

Ngày 07-8-2020, bị đơn bà Lê Minh T có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Ngày 15-8-2020, bị đơn bà Lê Minh T có đơn đề nghị về việc xin miễn án phí sơ thẩm.

Ngày 28-8-2020, nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.473.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Minh T trả số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền lập ngày 10-6-2014 và giữ nguyên ý kiến rút phần yêu cầu đối với số tiền 1.473.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Bị đơn bà Lê Minh T trình bày: Bà thừa nhận Giấy vay tiền lập ngày 10-6-2014 là do bà viết và ký tên. Khi viết Giấy vay tiền, bà có năng lực hành vi dân sự, có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi và không bị lừa dối hay ép buộc. Tuy nhiên, bà đã đổi trừ tiền bán 08 (tám) xe công ten nơ quả nhãn Thái Lan với tiền nợ mua quả Thanh Long với bà D. Bà không còn nợ tiền bà Vũ Thị Kim D. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà Lê Minh T không vay tiền bà Vũ Thị Kim D, giữa bà D và bà T chỉ có quan hệ mua bán

hoa quả. Hợp đồng mua bán hoa quả giữa bà Vũ Thị Kim D và bà Lê Minh T đã kết thúc từ tháng 11-2014. Theo đơn khởi kiện, thì bà Vũ Thị Kim D cho rằng bà Lê Minh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng mua bán hoa quả từ ngày 19-3-2014. Nhưng đến ngày 02-6-2020, bà Vũ Thị Kim D mới khởi kiện tại Tòa án yêu cầu buộc bà Lê Minh T thanh toán tiền. Theo quy định của Điều 427 và Điều 448 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng mua bán quả Thanh Long đã hết từ tháng 4-2016. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện để ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định của điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, căn cứ quyền sở ghi chép việc mua bán quả Nhãn Thái do bà Lê Minh T cung cấp cho Tòa án, lời khai và giấy xác nhận của những người làm chứng là bà Chạc Linh C và bà Trần Thị N thì có căn cứ bà Lê Minh T đã đối trừ tiền bán quả nhãn Thái Lan với tiền nợ mua quả Thanh Long với bà Vũ Thị Kim D. Bà Lê Minh T không còn nợ tiền bà Vũ Thị Kim D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim D. Trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim D thì xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Lê Minh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu trả số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) của nguyên đơn là có căn cứ vì có giấy vay tiền lập ngày 10-6-2014; bị đơn bà Lê Minh T thừa nhận việc đã viết giấy vay tiền, phù hợp với lời trình bày của bà Vũ Thị Kim D và anh Trần Hồng P; bà Lê Minh T không đưa ra tài liệu nào khác chứng minh việc đã trừ tiền bán nhãn cho bà Vũ Thị Kim D đối với số tiền nợ là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); không có tài liệu chứng minh việc đã thanh toán đối với số tiền nợ này.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 166, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của bà Vũ Thị Kim D đối với phần yêu cầu buộc bà Lê Minh T trả số tiền 1.473.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng). Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D đối với yêu cầu buộc bị đơn bà Lê Minh T trả số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Lê Minh T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Lê Minh T trả tiền theo Giấy vay tiền lập ngày 10-6-2014, nên xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp kiện đòi tài sản theo khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút yêu cầu: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D thừa nhận việc bà rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.473.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng) là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn theo quy định của khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu trả số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng): Bị đơn bà Lê Minh T thừa nhận giấy vay tiền lập ngày 10-6-2014 là do bà viết và ký tên. Khi viết Giấy vay tiền, bà có năng lực hành vi dân sự, có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi và không bị lừa dối hay ép buộc. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà Lê Minh T có nợ bà Vũ Thị Kim D số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

[5] Về việc đòi trừ tiền bán quả nhãn Thái Lan với tiền nợ theo Giấy vay tiền lập ngày 10-6-2014: Bà Lê Minh T cho rằng bà đã đòi trừ tiền bán 08 (tám) xe công ten nơ quả nhãn Thái Lan với số tiền nợ của bà Vũ Thị Kim D. Tuy nhiên, bà Lê Minh T không xác định được bà đã đòi trừ số tiền cụ thể và cũng không xuất trình, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh có việc đòi trừ tiền bán quả nhãn Thái Lan với số tiền bà đang nợ bà Vũ Thị Kim D. Bà Vũ Thị Kim D không thừa nhận có việc đòi trừ giữa tiền mua bán quả Nhãn Thái Lan với số tiền nợ theo Giấy vay tiền lập ngày 10-6-2014. Do đó, không có căn cứ xác định bà Lê Minh T đã đòi trừ tiền bán quả nhãn Thái Lan với số tiền nợ bà Vũ Thị Kim D là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

[6] Đối với việc bán 08 (tám) xe công ten nơ quả nhãn Thái Lan: Bà Lê Minh T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyền sở hữu nội dung ghi chép việc mua bán của nhãn Thái Lan, giấy xác nhận và lời khai của những người làm chứng bà Trần Thị N, bà Chạc Linh C để xác định bà đã bán 08 (tám) xe công ten nơ quả nhãn Thái Lan cho bà Vũ Thị Kim D. Tuy nhiên, quyền sở hữu ghi chép việc mua bán của nhãn Thái Lan do bà Lê Minh T tự lập, bà Vũ Thị Kim D không thừa nhận nên không phải là chứng cứ. Bà Vũ Thị Kim D không thừa nhận lời khai của những người làm chứng là bà Chạc Linh C và bà Trần Thị N. Bà Chạc Linh C và bà Trần Thị N đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao 08 (tám) xe công ten nơ quả nhãn Thái Lan cho bà Vũ Thị Kim D để

giao nộp cho Tòa án. Do đó, chưa có cơ sở xác định bà Lê Minh T đã bán 08 (tám) xe công ten nơ quả nhãn Thái Lan cho bà Vũ Thị Kim D.

[7] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của bị đơn: Đối với đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quy định của pháp luật, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ xác định bà Lê Minh T có nợ bà Vũ Thị Kim D số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và bà T chưa trả số tiền này cho bà D. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim D.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và đã rút một phần yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, do bị đơn bà Lê Minh T là người cao tuổi (trên 60 tuổi), nên được miễn nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 166, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim D.

Buộc bà Lê Minh T có nghĩa vụ phải trả cho bà Vũ Thị Kim D tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút của bà Vũ Thị Kim D đối với phần yêu cầu buộc bà Lê Minh T trả số tiền 1.473.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Lê Minh T được miễn nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng).

Bà Vũ Thị Kim D được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 45.730.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05448 ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hứa Văn Nghiệp**